

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v Ly hôn T – A

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim TrAg là Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 về ly hôn, trAh chấp về nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Nhựt T, sinh năm 1977 nơi cư trú: Ấp Chánh Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh A GiAg.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân A, sinh năm 1979 nơi cư trú: Ấp Vĩnh Tuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh A GiAg.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 2 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn ông Cao Nhựt T trình bày: Ông và bà Lê Thị Xuân A yêu nhau và đi đến hôn nhân năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Bình Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc do bà A chơi cờ bạc. Ông đã nhiều lần khuyên cA bà A cố gắng làm ăn nhưng bà A không

thay đổi, còn dẫn đến cự cãi. Ông và bà A không còn chung sống khoảng hơn một năm nay, nhận thấy tình cảm không còn ông yêu cầu ly hôn bà A

Ông và bà A có một con chung Cao Lê Hoàng S, sinh năm 2010 đồng ý giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Ông và bà A có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Bà Lê Thị Xuân A thống nhất về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn như ông T trình bày. Bà và ông T mâu thuẫn không lớn, bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Bà và ông T có một con chung, nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông T có cấp dưỡng nuôi con hay không do ông tự nguyện. Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn ngày 28/5/2019 trễ hạn 02 tháng 11 ngày chưa bảo theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần rút kinh nghiệm khắc phục.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho ông T được ly hôn bà A. Con chung Cao Lê Hoàng S giao cho bà A được tiếp tục nuôi, bà A không yêu cầu nên không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà A không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 quyền số 01 cấp ngày 04/02/2010. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bà A chơi cờ bạc, ông khuyên nhủ bà A không không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ ông. Ông và bà A ly thân hơn hai năm nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn bà A. Bà A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, bà còn thương chồng và muốn đoàn tụ vợ không, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Qua xác minh, địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà A, chỉ biết bà A không còn chung sống với ông T.

Ông T và bà A là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, qua tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Ông T làm nghề bán trứng nước, là lao động chính cho gia đình; còn bà A làm công việc nội trợ, lẽ ra bà phải cùng ông T chăm lo kinh tế gia đình nhưng bà không thực hiện hết trách nhiệm của mình mà còn tham gia cờ bạc. Ông T và bà A xảy ra

mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân hơn một năm nay chủ yếu do lỗi của bà A. Do đó, ông T yêu cầu ly hôn bà A là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà A có một con chung Cao Lê Hoàng S, sinh năm 2010 hai bên thống nhất giao cho bà A được tiếp tục nuôi, phù hợp với nguyện vọng của cháu S nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận. Bà A không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà A không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Nhựt T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 quyển số 01 ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã Bình Long cấp cho ông Tuấn và bà A không còn giá trị pháp lý.

Ông Cao Nhựt T được ly hôn bà Lê Thị Xuân A.

Ông T và bà A có một con chung Cao Lê Hoàng S, sinh năm 2010 giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không có định. Theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án xem xét có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Bà A và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Ông T và bà A không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001201 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh A GiAg;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy bA nhân dân xã Bình Long
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ